

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi: ngày 15/09/2024

(theo quyết định số: 38 /QĐ-TTNNTH, ngày 19 tháng 9 năm 2024

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	24CB4255	Phạm Hoàng Anh	03/08/2002	TP.Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	9.3	9.5	Đạt
2	24CB4257	Trương Văn Đăng	03/02/1994	Thanh Hóa	Nam	Kinh	9.3	9.5	Đạt
3	24CB4262	Nguyễn Thị Giang	27/07/2003	Yên Bái	Nữ	Kinh	7.3	9.0	Đạt
4	24CB4265	Phạm Thị Hạnh	11/08/1995	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.7	8.0	Đạt
5	24CB4266	Võ Minh Hào	22/05/2001	Quảng Trị	Nam	Kinh	9.0	9.5	Đạt
6	24CB4267	Lê Khắc Huy Hoàng	03/04/2002	Thanh Hóa	Nam	Kinh	8.3	9.5	Đạt
7	24CB4271	Trần Khánh Huyền	18/09/2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	9.0	9.5	Đạt
8	24CB4272	Nguyễn Nam Nhật Khánh	12/01/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	9.5	Đạt
9	24CB4277	Bùi Thị Mai Linh	22/11/2002	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	7.7	9.5	Đạt
10	24CB4281	Nguyễn Thế Nam	25/01/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	10.0	8.5	Đạt
11	24CB4285	Phạm Ngọc Hàm Nguyên	07/02/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	8.0	6.5	Đạt
12	24CB4293	Đỗ Thị Cẩm Nhung	01/02/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	9.3	9.5	Đạt
13	24CB4321	Nguyễn Hữu Quang	06/10/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	10.0	9.5	Đạt
14	24CB4300	Dương Tú Quỳnh	31/07/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	9.5	Đạt
15	24CB4301	ALăng Rim	02/02/1990	Quảng Nam	Nam	Cơ tu	5.0	7.0	Đạt
16	24CB4302	Nguyễn Thị Thảo Sương	09/11/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	9.5	Đạt
17	24CB4306	Bùi Thị Thanh Tâm	26/05/1987	Quảng Trị	Nữ	Kinh	5.0	7.0	Đạt
18	24CB4308	Trần Đình Quốc Thịnh	15/05/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	9.0	9.5	Đạt
19	24CB4312	Phạm Thị Thanh Tĩnh	25/10/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	9.0	Đạt
20	24CB4313	Phạm Đức Toàn	16/06/2002	Khánh Hòa	Nam	Kinh	9.7	9.5	Đạt
21	24CB4322	Kiều Xuân Nhật Uyên	02/11/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	8.3	9.5	Đạt
22	24CB4318	Trần Mộng Xuân	07/03/1982	Quảng Nam	Nam	Kinh	8.7	9.0	Đạt

Danh sách ngày có: 22 (thí sinh)